

Thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên các trường mầm non công lập trên địa bàn huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh theo chuẩn nghề nghiệp

Võ Ngọc Hiền*

*Học viên cao học K22.1, trường Đại học Sài Gòn

Received: 18/4/2024; Accepted: 28/4/2024; Published: 8/5/2024

Abstract: In recent years, the management of professional development activities for teachers in public preschools in Hoc Mon District, Ho Chi Minh City, has received attention and has been actively implemented. Despite the achievements, there are still some limitations and shortcomings. This article surveys, analyzes, and evaluates the current state of managing professional development activities for teachers in public preschools in Hoc Mon District, Ho Chi Minh City, and proposes management measures to improve these activities. By combining the surveyed conditions with appropriate management measures, it is expected to enhance the effectiveness of managing professional development activities for teachers in public preschools in Hoc Mon District, thereby improving the quality of teacher development in the area.

Keywords: Management, professional development, occupational standards, teachers, preschools

1. Mở đầu

Bậc học mầm non được xem là nền tảng cho sự phát triển về thể chất, nhận thức, tình cảm và thẩm mỹ cho trẻ. GV mầm non (GVMN) là nhân tố quan trọng trong việc xây dựng cấp học mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân. GVMN thông qua các hoạt động giáo dục góp phần cung cấp những kiến thức cơ bản và cần thiết cho trẻ. Đồng thời, cũng chính GVMN là người có ảnh hưởng rất lớn đối với quá trình hình thành nhân cách của trẻ.

Quản lý, bồi dưỡng GVMN theo chuẩn nghề nghiệp (CNN) nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục có tầm quan trọng chiến lược, có tính chất quyết định chất lượng chăm sóc, giáo dục trong nhà trường. Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/06/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển GD&ĐT giai đoạn 2019-2025 “nâng cao chất lượng đội ngũ GV và CBQL GDMN đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo GD&ĐT. Đổi mới chương trình, đa dạng các phương thức đào tạo, bồi dưỡng GVMN đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN và phát triển GDMN. Phát triển năng lực nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp chú trọng rèn luyện đạo đức, nhân cách nghề nghiệp, lòng yêu ngành, yêu nghề cho đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục mầm non CBQL GDMN” (Chính phủ, 2019).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về tổ chức khảo sát

- Khách thể khảo sát: Khảo sát được tiến hành trên tổng số CBQL và GV: 316: CBQL: 30; GV: 286

của 10/20 trường mầm non công lập trên địa bàn huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh: Trường Mầm non 2/9, Trường Mầm non Cúc Họa Mĩ, Trường Mầm non Tân Xuân, Trường Mầm non Bé Ngoan 3, Trường Mầm non Bà Điểm, Trường Bông Sen 1, Trường Mầm non Sơn ca, Trường Mầm non 23/11, Trường Mầm non Tân hoà, Trường Mầm non Xuân Thới Đông.

- Phương pháp khảo sát: Đề tài xây dựng bảng hỏi dùng chung cho CBQL, GV để khảo sát thực trạng quản lý HĐBDGVMN theo CNN ở các trường Mầm non trên địa bàn huyện Hóc Môn, TP.HCM. Bên cạnh đó, phương pháp phỏng vấn cũng được sử dụng nhằm phân tích, làm rõ hơn thông tin thu được từ phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi.

Số liệu thu được xử lý bằng phần mềm SPSS (tính giá trị trung bình, độ lệch chuẩn (ĐLCL), xếp hạng (XH)). Điểm trung bình (ĐTB) tính theo trung bình cộng của số người đánh giá bằng điểm hoặc được quy đổi thành điểm số và được chia theo khoảng như sau: Từ 3,25 \rightarrow \leq 4,0 Rất quan trọng; Rất ảnh hưởng; Tốt; Từ 2,5 \rightarrow \leq 3,25 Quan trọng; Ảnh hưởng; Khá; Từ 1,75 \rightarrow \leq 2,5 Bình thường; Ít ảnh hưởng; Trung bình; Từ 1,0 \rightarrow \geq 1,75 Không quan trọng; Không ảnh hưởng;

- Thời gian thực hiện khảo sát: từ năm học 2021-2022 đến năm học 2022-2023.

2.2. Kết quả khảo sát

2.2.1. Thực trạng về tầm quan trọng của quản lý HĐBD GV các trường mầm non theo CNN

Bảng 2.1. Tầm quan trọng của quản lý HĐBD GV các trường mầm non theo CNN

Nội dung Rất quan trọng		Mức độ đánh giá				Tổng cộng
		Quan trọng	Ít quan trọng	Không quan trọng		
Tầm quan trọng của công tác Quản lý hoạt động BD GV ở trường mầm non	SL	116	170	30	0	316
	%	36,7%	53,8%	9,5%	0 %	100 %

Từ bảng khảo sát trên cho thấy, tỉ lệ CBQL và GV đánh giá mức độ quan trọng và rất quan trọng = 90,5%. Có 9,5% đánh giá là ít quan trọng. Điều đó, cho thấy, một số GV còn thờ ơ trong công tác BD cho GV tại đơn vị. Qua phỏng vấn CBQL và GV các trường cho thấy, một số GV còn xem nhẹ quản lý HĐ BD GV, xem đó là một hoạt động bình thường trong tất cả các hoạt động tại trường mầm non, dẫn đến thực hiện hoạt động này còn mang tính đối phó.

2.2.2. Thực trạng quản lý các nội dung bồi dưỡng (NDBD) GV các trường mầm non theo CNN

Bảng 2.2. Thực trạng quản lý các NDBD GV các trường mầm non theo CNN

TT	Nội dung		Mức độ thực hiện				Điểm trung bình	Thứ bậc
			Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Kế hoạch có nội dung bồi dưỡng rõ ràng, với lộ trình cụ thể, có tính khả thi	SL	68	120	74	56	2,31	6
		%	21,5	39,9	23,4	17,2		
2	Quản triệt cho GV nắm được các nội dung bồi dưỡng	SL	18	76	184	38	2,89	3
		%	5,7	24,1	58,2	12		
3	Tổ chức cho GV thực hiện nội dung kế hoạch bồi dưỡng	SL	28	64	174	50	2,79	4
		%	8,8	20,3	55,1	15,8		
4	Chỉ đạo, đôn đốc tổ trưởng chuyên môn theo dõi việc thực hiện nội dung kế hoạch bồi dưỡng trong tổ	SL	00	60	110	146	3,18	1
		%	00	19,0	34,8	46,2		
5	Có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nội dung bồi dưỡng	SL	00	52	190	74	3,07	2
		%	00	16,5	60,1	23,4		
6	Có biện pháp hỗ trợ GV trong việc thực hiện nội dung bồi dưỡng	SL	58	68	98	92	2,64	5
		%	18,4	21,5	31	29,1		

Từ bảng 2.2 cho thấy: Nhà trường quản lý NDBD chuyên môn cho GV đạt mức trung bình khá. Cụ

thể: Nội dung “Chỉ đạo, đôn đốc tổ trưởng chuyên môn theo dõi việc thực hiện nội dung kế hoạch bồi dưỡng trong tổ”; “Có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện NDBD chuyên môn” đạt ĐTB (3,07- 3,18); Công tác “Quản triệt cho GV nắm được các nội dung bồi dưỡng”; “Tổ chức cho GV thực hiện nội dung kế hoạch bồi dưỡng”; “Có biện pháp hỗ trợ GV trong việc thực hiện NDBD” chỉ nhận được mức độ đánh giá trung bình (2,64 – 2,89). Đặc biệt việc “Xây dựng kế hoạch có NDBD rõ ràng, với lộ trình cụ thể, có tính khả thi” nhận được mức độ đánh giá thấp từ CBQL và GV (ĐTB=2,31), cho thấy CBQL chưa quan tâm thực hiện tốt, vẫn có 33 cá nhân được khảo sát đánh giá mức độ thực hiện là yếu, kém.

Qua phỏng vấn, hầu hết CBQL, GV đều cho rằng: quản lý các NDBD GV các trường mầm non theo CNN còn nhiều hạn chế, cần khắc phục. Nhận xét khái quát từ 100% CBQL, GV chứng tỏ kết quả điều tra bằng bảng hỏi tương đồng với kết quả phỏng vấn.

2.2.3. Thực trạng quản lý các phương pháp bồi dưỡng (PPBD) GV các trường mầm non theo CNN

Qua khảo sát cho thấy, quản lý phương pháp BDGV thông qua giúp GV thấy được ý nghĩa của việc sử dụng các phương pháp trong bồi dưỡng; có các biện pháp động viên, khích lệ GV được đánh giá ở mức khá (ĐTB>3), chứng tỏ quản lý các phương pháp BD GV đã và đang được các trường quan tâm, tổ chức thực hiện. Ba nội dung còn lại: tổ chức GV tham gia các lớp tập huấn đổi mới phương pháp; quản lý GV bồi dưỡng lẫn nhau; GV sử dụng các phương pháp trong hoạt động BD chỉ đạt ở mức trung bình (ĐTB = 2,42 -> 2,93). Cho thấy rằng, việc đôn đốc, kiểm tra đội ngũ GV thực hiện đổi mới phương pháp chưa được quan tâm đúng mức. Đa số CBQL, GV chỉ chú ý hoạt động BDGV thông qua sử dụng các phương pháp bồi dưỡng truyền thống, chưa tích cực trong đổi mới phương pháp.

2.2.4. Thực trạng quản lý các hình thức bồi dưỡng GV các trường mầm non theo chuẩn nghề nghiệp

Kết quả khảo sát cho thấy, quản lý hoạt động

BDGV thông qua các hình thức được đánh giá ở mức khá (ĐTB>3), chứng tỏ các hình thức BDGV đã và đang được các trường quan tâm, tổ chức thực hiện. Nội dung: Quản lý GV tự bồi dưỡng thông qua nghiên cứu tài liệu, phương tiện thông tin, băng đĩa chỉ đạt ở mức 2,7. Điều này cho thấy, công tác chỉ đạo đội ngũ GV thực hiện tự học, tự bồi dưỡng nhà trường chưa được quan tâm đúng mức. Đa số CBQL, GV chỉ chú ý quản lý GV qua các lớp tập huấn sinh hoạt tổ chuyên môn, dự giờ đồng nghiệp mà quên đi quản lý hoạt động tự học, tự bồi dưỡng của GV. Để quản lý các hình thức BDGV trong nhà trường thật sự mang lại hiệu quả, thì CBQL cần thống nhất trong chỉ đạo, có kế hoạch phân công cụ thể trong quản lý đôn đốc GV tự bồi dưỡng theo qui định của ngành.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng

* Ưu điểm

- Các trường MN luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Phòng GD&ĐT về NDBD, tổ chức tập huấn đổi mới phương pháp, tài liệu bồi dưỡng cho đội ngũ GVMN. Nhờ vậy, hoạt động BDGV trong các trường mầm non được thực hiện tương đối nghiêm túc.

- CBQL, GV các trường mầm non về cơ bản đã nhận thức được vị trí, vai trò, mục tiêu và ý nghĩa của HDBD và đều thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của ngành.

- Hoạt động BDGV tại các trường mầm non luôn bám sát mục tiêu, nội dung chương trình GDMN, đáp ứng Chuẩn NNGVMN hướng tới nhiệm vụ giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ mầm non.

- Trong quá trình quản lý hoạt động BDGVMN, hiệu trưởng luôn bám sát mục tiêu giáo dục bồi dưỡng, đã cụ thể hóa các văn bản hướng dẫn chỉ đạo trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện phù hợp tại đơn vị.

- Nhà trường đã có định hướng cho hoạt động BDGV, coi đó là định hướng lớn nhất trong việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục trong các nhà trường được mua sắm và nâng cấp cơ bản đầy đủ.

* Hạn chế

- Một bộ phận CBQL và GV nhận thức chưa đúng về tầm quan trọng của HĐ BDGV, chưa có ý thức đầy đủ về bồi dưỡng GVMN trước yêu cầu đổi mới..

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng GVMN trong đó mục tiêu, nội dung quản lý hoạt động chưa rõ ràng, mang tính hình thức, chưa có lộ trình cụ thể, chưa tính đến điều kiện và đặc điểm riêng của nhà trường và nhu cầu, nguyện vọng của mỗi GV.

- Tổ chức cho GV thực hiện nội dung kế hoạch bồi dưỡng còn hạn chế và chưa có những biện pháp hỗ trợ GV trong việc thực hiện NDBD.

- CBQL chưa chỉ đạo tốt các tổ chuyên môn, GV phát huy các phương pháp bồi dưỡng tích cực, tự bồi dưỡng thông qua các hình thức phù hợp, hiện đại. Điều đó cho thấy công tác quản lý sử dụng phương pháp, hình thức bồi dưỡng còn hạn chế.

- Một số trường chưa quan tâm đúng mức trong KT&DG hoạt động BDGV.

- Công tác đảm bảo các điều kiện hỗ trợ HĐ BDGV còn khá nhiều hạn chế.

3. Kết luận

Trước những yêu cầu tất yếu đến từ bên ngoài nhà trường (chỉ đạo của các cấp quản lý, yêu cầu của xã hội đặt ra cho giáo dục) và các yếu tố bên trong nhà trường (nhu cầu của cán bộ quản lý, tập thể sư phạm nhà trường, yêu cầu của xã hội đối với giáo dục), quản lý HDBDGV MN theo chức danh nghề nghiệp tại các trường mầm non công lập tại huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh cần được quan tâm, chú trọng.

Thực tế cho thấy hiệu trưởng các trường MN công lập trên địa bàn huyện Hóc Môn TP.HCM đã quan tâm đến vấn đề quản lý HDBD GVMN theo chức danh nghề nghiệp cho GV, đã triển khai thực hiện các chức năng kế hoạch hóa, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra và đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm vẫn còn một số hạn chế và bất cập trong quá trình quản lý HDBDGV MN theo chức danh nghề nghiệp tại các trường mầm non công lập tại huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD&ĐT (2009). Thông tư số 17 /2009/ TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 về ban hành *Chương trình giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam. Hà Nội

2. Bộ GD&ĐT (2010). *Quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi*. Hà Nội

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2011). *Chương trình bồi dưỡng thường xuyên GVMN*(Thông tư 36/2011/ TT-BGDĐT ngày 17 tháng 8 năm 2011). Hà Nội

4. Phạm Thị Châu (2002). “*Một số vấn đề quản lý giáo dục mầm non*” *Quản lý của Hiệu trưởng trong trường mầm non*. NXB Chính trị Quốc gia.

5. Trần Kiểm, Nguyễn Xuân Thức (2012). *Đại cương khoa học quản lý và quản lý giáo dục*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.

6. Đinh Văn Vang (1996). *Một số vấn đề quản lý trường Mầm non. Quản lý hoạt động tổ chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.